TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2019
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Triệu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Công Hiền
2. Ông Huỳnh Trí Dũng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Thư ký TAND huyện Đ.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về "Kiện xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị B, sinh năm 1979, có mặt
Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
Bị đơn: Ông Trà Quang H, sinh năm 1969, có mặt
Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2019 và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn bà Ngô Thị B trình bày**:** Năm 2000 bà và ông Trà Quang H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đ- ợc hai bên gia đình tổ chức lễ c- ới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. sau ngày c- ới vợ chồng sống tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Quá trình chung sống vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không tin tưởng vợ, ghen tuông vô cớ, đánh đập và xúc phạm bà nhiều lần. Nay bà thấy hạnh phúc vợ chồng không còn nên xin Toà giải quyết cho bà đ- ợc ly hôn với ông H để mỗi ng- ời đ- ợc tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

Tại bản tự khai ngày 08/4/2019 và tại phiên tòa bị đơn ông Trà Quang H trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ ông không quan tâm đến ông, tuy nhiên tình cảm vợ chồng vẫn còn, nay bà B xin ly hôn ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà B và ông H thống nhất khai vợ chồng có 2 con chung tên là Trà Công H, sinh ngày 27/7/2001 và Trà Thị Quỳnh N, sinh ngày 05/8/2003. Hiện nay cả 2 con chung đang được bà B nuôi dưỡng, giáo dục.

Nếu ly hôn ông H có nguyện vọng nuôi hai con chung không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con. Bà B có nguyện vọng nuôi hai con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: bà Ngô Thị B và ông Trà Quang H cùng khai vợ chồng có ngôi nhà xây cấp 4, diện tích xây dựng 64 m^2 trên diện tích đất ở 130m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG301087 được UBND huyện Đ cấp ngày 25 tháng 10 năm 2011. Trường hợp ly hôn ông H và bà B đều có nguyện vọng để lại tài sản này cho hai con là Trà Công H và Trà Thị Quỳnh N khi các con đủ 18 tuổi.

Về nợ chung: ông H và bà B khai không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị B và ông Trà Quang H thì thấy ông bà xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đ- ợc hai bên gia đình tổ chức lễ c- ới và có đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp đ- ợc pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông bà khi giải quyết vụ kiện. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà B thì thấy sau khi kết hôn ông bà chung sống được mười mấy năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Theo bà B nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng không tin tưởng vợ, đánh đập, xúc phạm vợ con, vợ chồng không quan tâm, bỏ mặc nhau.

Theo ông H nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm và bà B không quan tâm đến đời sống của chồng, bức xúc ông có đánh vợ Tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm bà B kiên quyết xin đ- ợc ly hôn với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc nên chấp nhận yêu cầu của bà B cho bà đ- ợc ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con chung:

Ông H hằng ngày đi làm ăn không có điều kiện chăm sóc các con, Cháu Trà Công H và cháu Trà Thị Quỳnh N hiện nay đang sinh sống với bà B và các cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của bà B là được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các cháu H, N là phù hợp với thực tế và đúng pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H làm công nhân hàng tháng có thu nhập 8.000.000 đồng (theo lời khai của ông) HĐXX nghĩ buộc ông Trà Quang H phải

có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trà Thị Quỳnh N mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi Trà Thị Quỳnh N đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà Ngô Thị B và ông Trà Quang H cùng khai vợ chồng có ngôi nhà xây cấp 4 diện tích xây dựng 64 m^2 trên diện tích đất 130m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG301087 được UBND huyện Đ cấp ngày 25 tháng 10 năm 2011. Trường hợp ly hôn ông H và bà B đều có nguyện vọng để lại tài sản này cho hai con là Trà Công H và Trà Thị Quỳnh N HĐXX thấy thỏa thuận này là sự tự nguyện của các đương sực và không trái pháp luật nghĩ nên công nhận thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 147, 203, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B, tuyên xử cho bà Ngô Thị B được ly hôn với ông Trà Quang H.

2. Về con chung: Giao các cháu Trà Công H sinh ngày 27/7/2001 và Trà Thị Quỳnh N sinh ngày 05/8/2003 cho bà B nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu H, N đủ 18 tuổi. Ông H cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H không thực hiện nghĩa vụ cấp d- ỡng số tiền trên thì hằng tháng ông H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh được xác định là 10 % trên một năm đối với số tiền chậm trả.

Ông H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi có lý do chính đáng, đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Bà Ngô Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Bđã nộp theo biên lai thu số 3192 ngày 03/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Ông Trà Quang H chịu án phí về cấp dưỡng số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, để yêu cầuTòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**

- TAND tỉnh Quảng Nam;

- VKSND huyện Đ;

- THADS huyện Đ;

- Các đ- ơng sự ;

- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Văn Triệu